

- GV ghi bảng:
 $3 \times (7 - 5)$ và $3 \times 7 - 3 \times 5$

3. Quy tắc nhân 1 số với 1 hiệu:

- GV chỉ cho HS biểu thức bên trái dấu bằng là nhân 1 số với 1 hiệu, biểu thức bên phải dấu bằng là hiệu giữa các tích. Từ đó rút ra kết luận:

=> KL: Khi nhân 1 số với 1 hiệu, ta có thể lần lượt nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi sau đó trừ 2 kết quả cho nhau.

4. Thực hành:

+ Bài 1: GV treo bảng phụ, nói cấu tạo bảng, hướng dẫn HS tính và viết vào bảng.

$$6 \times (9 - 5) = 24$$

$$6 \times 9 - 6 \times 5 = 24$$

+ Bài 2:

- GV hướng dẫn:

$$26 \times 9 = 26 \times (10 - 1)$$

+ Bài 3: Làm cá nhân.

Giải: Số giá để trứng còn lại là: $40 - 10 = 30$ (giá)

Số quả trứng còn lại là: $175 \times 30 = 5250$ (quả)

Đáp số: 5250 quả.

+ Bài 4: GV ghi bảng:

$$(7 - 5) \times 3 \text{ và } 7 \times 3 - 5 \times 3$$

? Khi nhân 1 hiệu với 1 số ta làm thế nào

- GV chữa bài cho HS.

5. Củng cố — dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

HS: 2 em lên tính giá trị rồi so sánh kết quả:

$$3 \times (7 - 5) = 3 \times 2 = 6$$

$$3 \times 7 - 3 \times 5 = 21 - 15 = 6$$

Vậy: $3 \times (7 - 5) = 3 \times 7 - 3 \times 5$.

HS: 2 — 3 em đọc lại.

- Viết dưới dạng biểu thức:

$$a \times (b - c) = a \times b - a \times c$$

HS: Đọc, tính nhẩm để viết vào bảng.

$$8 \times (5 - 2) = 24$$

$$8 \times 5 - 8 \times 2 = 24$$

HS: Đọc yêu cầu và tự làm.

- Hai HS lên bảng làm theo 2 cách như GV đã hướng dẫn:

Cách 1: $26 \times 9 = 26 \times (10 - 1)$

$$= 26 \times 10 - 26 \times 1$$

$$= 260 - 26$$

$$= 234$$

Cách 2: $26 \times 9 = 234$.

- Đọc yêu cầu và tự làm bài vào vở.

- 2 HS lên bảng làm bài.

- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở

HS: So sánh và nhận xét kết quả.

- Ta có thể nhân số bị trừ, số trừ với số đó, rồi trừ 2 kết quả cho nhau.

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: ý chí - nghị lực

I.Mục tiêu:

- Nắm được 1 số từ, 1 số câu tục ngữ nói về ý chí nghị lực của con người.
- Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ nói về ý chí, nghị lực.
- Hiểu ý nghĩa 1 số câu tục ngữ.

II.Đồ dùng dạy □ học:

-**Bảng phụ viết nội dung bài 1, bài 3. Phiếu học tập.**

III.Các hoạt động dạy □ học chủ yếu:

A.Bài cũ:

-*Thế nào là tính từ? Cho ví dụ.*

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn HS làm bài tập:

- | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>+ Bài 1: Treo bảng phụ viết nội dung.
- GV phát phiếu cho 1 số em.</p> <p>- GV chốt lại lời giải đúng:
+ Chí có nghĩa là rất, hết sức:
-chí phải, chí lý, chí thân, chí tình, chí công.
+ Chí có nghĩa là ý muốn bền bỉ, theo đuổi 1 mục đích tốt đẹp:
-ý chí, chí khí, chí hướng, quyết chí.</p> <p>+ Bài 2:
-Y/c HS thảo luận cặp đôi và trả lời.
-Làm việc liên tục, bền bỉ là nghĩa của từ nào?
-Chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ là nghĩa của từ gì?
Có tình cảm rất chân tình, sâu sắc là nghĩa của từ nào?</p> <p>+ Bài 3: GV nêu yêu cầu.</p> <p>+ Bài 4:</p> <p>a) Lửa thử vàng, gian nan thử sức.</p> <p>b) Nước lũ mà vã nên hồ...</p> | <p>HS: Đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ làm bài cá nhân hoặc trao đổi theo cặp.
- 1 số em làm bài vào phiếu.
- Đại diện nhóm trình bày kết quả.</p> <p>HS: Đọc yêu cầu của bài.
- Trao đổi, thảo luận.
-Đại diện trả lời.</p> <p>-Kiên trì.
-Kiên cố.</p> <p>-Chí tình, chí nghĩa.
HS: Đọc lại và tự làm bài.
- Các từ cần điền là: nghị lực, nản chí, quyết tâm, kiên nhẫn, quyết chí, nguyện vọng.</p> <p>HS: Đọc nội dung bài tập.
- Cả lớp đọc thầm lại 3 câu tục ngữ và nêu cách hiểu của mình trong mỗi câu.
- Vàng phải thử trong lửa mới biết vàng thật hay giả. Người phải thử thách trong gian nan mới biết nghị lực, biết tài năng.
- Từ nước lũ mà làm thành hồ (bột loãng hoặc vữa xây nhà), từ tay không không có gì mà dựng nổi cơ đồ mới thật tài giỏi, ngoan cường.</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

- c) Có vất vả mới thành nhân... | - Phải vất vả lao động mới gặt hái được thành công.
 Không thể tự dưng mà thành đạt được kính trọng,
 có người hâu hạ, cầm tàn, cầm lọng che cho.
- Từ việc nắm nghĩa đen y/c HS phát biểu về lời khuyên nhủ gửi gắm trong mỗi câu.
 - GV nhận xét chốt lại.
3. Củng cố — dặn dò:
- GV nhận xét tiết .Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Khoa học

Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về vũng tuần hoàn của nước trong tự nhiên dưới dạng sơ đồ.
- Vẽ và trình bày vũng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.
- Chú ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường nước xung quanh mình.

II. Đồ dùng dạy- học:

- Cốc tám thẻ ghi: Bay hơi Mưa Ngưng tụ
- HS chuẩn bị giấy A4, bệt màu.

III. Hoạt động dạy- học:

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: Gọi 3 HS lên bảng trả lời câu hỏi:

- + Mây được hình thành như thế nào ?
- + Hóy trình bày vũng tuần hoàn của nước trong tự nhiên ?

3. Dạy bài mới:

* *Giới thiệu bài:*

* Hoạt động 1: Vũng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

- Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ 48 / SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi:

1) Những hình nào được vẽ trong sơ đồ ?

2) Sơ đồ tròn mô tả hiện tượng gì ?

3) Hóy mô tả lại hiện tượng đó ?

- HS hoạt động nhóm.

- HS vừa trình bày vừa chỉ vào sơ đồ.

* Dùng súng nhỏ chảy ra súng lớn, biển.

+ Hai bờ sông súng cú làng mạc, cảnh đồng.

+ Cốc đóm mây đen và mây trắng.

+ Những giọt mưa từ đóm mây đen rơi xuống đỉnh núi và chõn núi. Nước từ đó chảy ra suối, sông, biển.

+ Cốc mũi tòn.

* Bay hơi, ngưng tụ, mưa của nước.

* Nước từ suối, làng mạc chảy ra

- Giúp đỡ cốc nhúm gấp khủ khăn.
- Gọi 1 nhúm trỡnh bày, cốc nhúm khỏc bỗ sung, nhận xột.
- Hỏi: Ai cú thể viết tờn thể của nước vào hỡnh vẽ mù tả vũng tuần hoản của nước ?

-GV nhận xột, tuyền dương HS viết ðỳng.

* **Hoạt ðộng 2: Em vẽ:** □*Sơ ðồ vũng tuần hoản của nước trong tự nhiên*□.

-Hai HS ngòì cựng bàn thảo luận, quan sỏt hỡnh minh hoạ trang 49 và thực hiện yờu cầu vào giấỷ A4.

-GV giúp đỡ cốc em gấp khủ khăn.

-Gọi cốc ðụi lờn trỡnh bày.

-Yờu cầu tranh vẽ tởi thiỏu phải cú ðủ 2 mũỉ tờn và cốc hiện tượng: bay hơi, mưa, ngưng tụ.

-GV nhận xột, tuyền dương cốc nhúm vẽ ðẹp, ðỳng, cú ý tưởng hay.

-Gọi HS lờn gộp cốc tẳm thể cú ghi chữ vào sơ ðồ vũng tuần hoản của nước trờn bảng.

-GV gọi HS nhận xột.

* **Hoạt ðộng 3: Trũ chơi: ðúng vai.**

* **Tỡnh huớng 1:** Bắc và Nam cựng học bỗng Bắc nhỡn thấy óng nước thỏi của một gia ðỡnh bị vỡ ðang chảy ra ðờng. Theo em cũu chuyện giữa Nam và Bắc sẽ ðiển ra như thế nào ? Hóỷ ðúng vai Nam và Bắc ðể thể hiện ðiều ðứ.

* **Tỡnh huớng 2:** Em nhỡn thấy một phụ nữ ðang rất vộỉ vớt tỳỉ rỏc xuống con mường cạnh nhà ðể ði làm. Em sẽ nủỉ gỡ với bỏc ?

* **Tỡnh huớng 3:** Lỏm và Hải trờn ðờng ði

sụng, biển. Nước bay hơi biển thành hơi nước. Hơi nước liờn kết với nhau tạo thành những ðỏm mũỉ trắng. Càng lờn cao càng lạnh, hơi nước ngưng tụ lại thành những ðỏm mũỉ ðen nặng trĩu nước và rơi xuống tạo thành mưa. Nước mưa chảy tràn lan trờn ðồng ruộng, sụng ngũỉ và lại bắt ðầu vũng tuần hoản.

-Mũỉ HS ðều phải tham gia thảo luận.

-HS bỗ sung, nhận xột.

-HS lờn bảng viết tờn.

Mũỉ ðen

Mũỉ trắng

Mưa

Hơi nước

Nước

-HS lắng nghe.

-Thảo luận ðụi.

-Thảo luận, vẽ sơ ðồ, tụ màu.

-Vẽ sỏng tạo.

-1 HS cầm tranh, 1 HS trỡnh bày ý tưởng của nhúm mũỉnh.

-HS lờn bảng gộp.

-HS nhận xột.

-HS nhận tỡnh huớng và phõn vai.

-Cốc nhúm trỡnh ðiển

học về, Lỗm thấy một bạn đang cho trấu vừa uống nước vừa phúng ướ xuống sụng. Hải nói: “Sụng này nhỏ, nước khụng chảy ra biển đợc nờn khụng sợ gõ ụ nhiễm”. Theo em Lỗm sẽ nói thế nào cho Hải và bạn nhỏ kia hiểu.

-Cỏc nhúm khỏc bổ sung.

4.Củng cố- dặn dũ:

-GV nhận xét tiết học, tuyên dương những HS, nhúm HS tích cực tham gia xõy dựng bài, nhắc nhở HS cũn chưa chỳ ý.

-Dặn HS về nhà vẽ lại sơ đồ vũng tuần hoàn của nước.

-Dặn HS mang cõy trồng từ tiết trước để chuẩn bị bài 24.

Buổi chiều:

Đạo đức

hiếu thảo với ông bà, cha mẹ (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

- Hiểu công lao sinh thành, dạy dỗ của ông bà, cha mẹ và bổn phận của con cháu đối với ông bà, cha mẹ.

- Biết thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống. - Kính yêu ông bà, cha mẹ.

II.Đồ dùng:

Bảng phụ ghi các tình huống.

III.Các hoạt động dạy □ học:

A.Bài cũ:

Tại sao phải tiết kiệm thời giờ?

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu bài:

2.Hoạt động 1: Thảo luận về truyện □Phần thưởng□.

-Y/c HS theo dõi SGK.

- GV kể chuyện “Phần thưởng”.

+ Em có nhận xét gì về việc làm của Hưng?

+ Vì sao em lại mời bà ăn những chiếc bánh mà em vừa đợc thưởng? (hỏi bạn đóng vai Hưng)

- GV giảng trên tranh:

+ Theo em bà cảm thấy như thế nào trước việc làm của cháu?

HS: Cả lớp nghe.

- Đóng lại tiểu phẩm.

- Em thấy việc làm của bạn chứng tỏ bạn rất yêu bà.

- Em thấy việc làm của bạn chứng tỏ bạn là người cháu hiếu thảo.

- Vì em rất yêu bà, bà là người dạy dỗ, nuôi nấng em hàng ngày.

- Bà cảm thấy rất vui, phấn khởi.

+ Chúng ta phải đối xử với ông bà, cha mẹ như thế nào?
+ Vì sao phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?
=> Rút ra bài học (ghi bảng).

3.Hoạt động 2: Thảo luận nhóm.

+Bài1: Treo bảng phụ ghi 5 tình huống.

- GV chốt lại lời giải đúng.
+ b, d, đ là Đ + a, c là S.

4.Hoạt động 3: Em đã hiếu thảo với ông bà, cha mẹ hay chưa?

+ Bài 2: - GV chia nhóm, giao nhiệm vụ.

- GV kết luận và khen các nhóm.

5.Củng cố — dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về thực hành và chuẩn bị bài sau.

- Phải kính trọng, quan tâm, chăm sóc và hiếu thảo.
- Vì ông bà, cha mẹ là những người sinh ra ta, nuôi dưỡng chúng ta...
HS: 2 em đọc bài học.

- Thảo luận cặp đôi: Đọc và bàn bạc xem cách ứng xử của bạn nhỏ trong tình huống đó là đúng hay chưa đúng.

HS: Thảo luận nhóm.

- Đại diện nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét.

Luyện tiếng việt

Luyện tập mở rộng vốn từ: ý chí □ nghị lực

I.Mục tiêu:

- Nắm được 1 số từ, 1 số câu tục ngữ nói về ý chí nghị lực của con người.
- Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ nói về ý chí, nghị lực.

II.Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy học chủ yếu:

A.Bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn HS làm bài tập:

Bài 1. Nối từ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B

A		B
1. chí hướng	→	a. có chí và quyết làm bằng được
2. quyết chí	→	b. chăm chỉ và hết sức hứng thú
3. chí thân	→	c. ý muốn đạt mục đích cao đẹp trong cuộc sống
4. chí thú	→	d. hết sức công bằng không chút thiên vị
5. chí công	→	e. hết sức tận tâm

Bài 2. Tìm từ có tiếng “chí” điền vào chỗ trống trong những câu sau:

- Anh nói thật là làm sao không nghe theo anh được.
- Được bạn bè giúp đỡ, Nam học hành.
- Trần Quốc Toản tuy còn nhỏ tuổi nhưng rất có
- Con chó vẫn nán lại bên mộ chủ với nét mặt buồn rầu. Nó quả là con vật.....

-Nhận xét, chốt lại đáp án đúng.

- Thảo luận theo nhóm và điền từ tìm được vào bảng nhóm chép sẵn các câu.
 - Đại diện nhóm dán bảng và trình bày.
 - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- a) chí lí b) quyết chí
c) chí hướng d) chí nghĩa

Bài 3. Tìm từ có tiếng “chí” điền vào chỗ trống.

- Lan là người bạn của tôi.
- Bây giờ chú ấy đã ... làm ăn.
- Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
- Bác Hồ là tấm gương sáng về cần kiệm liêm chính, ... vô tư.

- a) chí thân
b) chí thú
c) quyết chí
d) chí công

3. Củng cố dặn dò:

- GV nhận xét tiết .Y/ c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Luyện toán

Luyện tập: Nhân một số với một hiệu

I. Mục tiêu:

- Giúp HS biết thực hiện phép nhân 1 số với 1 hiệu, nhân 1 hiệu với 1 số.
- Vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.

II. Đồ dùng:

Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1.